

Những Cách Dùng Chữ Sai Nên Tránh

Đỗ Văn Phúc

Ngôn từ, yếu tố giao tiếp căn bản của con người, là một phần quan trọng của văn hoá. Miền Nam chúng ta kế thừa một nền văn hoá cổ truyền, nhân bản và hữu lý. Ngôn từ dùng trong đại chúng hay văn học đều có lẽ luật, dù nó được thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh sinh hoạt xã hội. Sau năm 1975, từ miền Bắc tràn vào miền Nam nhiều từ ngữ, cách dùng chữ, đặt câu quái dị. Những vị cao niên có giải thích rằng ở miền Bắc vào những thập niên 1950, khi sự thay đổi chính quyền đã tạo ra một lớp người lãnh đạo mới tuy thất học, nhưng nắm chức vụ đầy uy quyền tối thượng. Họ thường học đòi nói văn chương mà không hiểu biết nghĩa lý gì. Khổ một nỗi là không ai dám sửa cái sai của họ. Cứ thế, cái sai cứ nhân lên và đi đến nạn bát nháo chữ nghĩa ngày nay. Có những chế độ chỉ biết áp bức chứ không có khả năng xây dựng. Đặc biệt về văn hoá, họ như đoàn quân man rợ, đã triệt hạ cả một nền tảng văn hoá dân tộc mà ngôn từ cũng không là ngoại lệ.

Từ khi có việc giao thương, qua lại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, cùng sự phát triển truyền thông, những người từ Việt Nam mới qua sau này đã du nhập vào cộng đồng hải ngoại những ngôn từ quái dị mà đã có nhiều người Việt tị nạn bắt đầu tiêm nhiễm. Hiện nay, đọc trên đa số báo chí hải ngoại, chúng tôi rất buồn khi thấy hiện tượng này tràn lan. Các bài báo trên các đài lớn như RFA, RFI, BBC, VOA không thiếu những từ ngữ lạ, do việc các đài này tuyển mộ các nhân viên từ Việt Nam qua.

Ngôn ngữ Việt Nam biến thể một cách đáng báo động. Nếu không ngăn chặn thì rồi đây, chúng ta sẽ nghe hàng ngày những cách nói quái dị đó. Thế là một lần chạy từ bắc vào nam, một lần nữa từ Việt Nam ra hải ngoại, nay chúng ta đang bị chúng đuổi theo đến tận xứ sở tự do. Vì thế, nhiệm vụ của bất cứ người Việt nào cũng là bảo tồn văn hoá, ngôn ngữ truyền thống.

Khái niệm về Ngôn Ngữ và Từ Ngữ

Các nhà ngôn ngữ học phân biệt hai loại ngôn ngữ: sinh ngữ và tử ngữ.

Tử ngữ là những ngôn ngữ đã từng có, từng được sử dụng; nhưng nay không còn thịnh hành nữa mà chỉ còn trong các trang sử, các trang sách cổ; và coi như đã chết. Ví dụ: chữ Latin, chữ cổ Irish, chữ Nôm của Việt Nam...

Sinh ngữ, nói nôm na là ngôn ngữ sống, đang được sử dụng. Sinh ngữ cũng có những quy luật chung. Quy luật này có thể do một viện hàn lâm soạn thảo, có thể do các thành

viên ưu tú như giới văn học, báo chí, và cũng có thể do người sử dụng nó mặc nhiên chấp nhận sau một thời gian thử thách. Sinh ngữ cũng thay đổi theo hoàn cảnh sống của con người trong xã hội; thay đổi theo sự tiến triển của khoa học kỹ thuật... **Văn phạm, là quy luật trong ngôn từ, cũng không cố định mà có thể thay đổi theo hoàn cảnh.**

Theo từ điển, ngôn hay ngữ, hay cả chữ ghép ngôn ngữ có nghĩa là nói năng.

Ngôn (nói) và **từ** (lời) có trước, **tự** (chữ) theo sau.

Người Việt Nam có mặt trên địa bàn Hoa Nam và đồng bằng sông Hồng đã hàng ngàn năm. Có lẽ cũng như các dân tộc khác trên trái đất vào thời sơ khai, tổ tiên chúng ta chỉ có Ngôn mà chưa có **tự** (chữ) hay **từ** (lời). Ngôn ngữ thời đó chắc nghèo nàn và đơn giản vì cuộc sống đơn sơ. Nhiều dân tộc, vì nhu cầu giao tiếp, truyền thông, đã phát minh ra chữ viết. Trước hết, là các dấu hiệu, những nét chữ dựa trên hình ảnh mà người ta gọi là tượng hình, hay dựa trên âm thanh (tượng thanh). Rồi đi xa hơn, bằng cách hội ý dùng những chữ khác nhau ghép thành một chữ mới mang ý nghĩa phối hợp. Xin đừng nhầm lẫn chữ “**hội ý**” Việt Cộng dùng với nghĩa là bàn bạc, thảo luận.

Chúng tôi xin đơn cử vài ví dụ về tượng hình, tượng thanh và hội ý trong từ ngữ của Trung Hoa; cũng là chữ viết có sớm thứ nhì của loài người (1200 BC) sau người Ai Cập (3100 BC):

- **Tượng hình:** Chữ Sơn 山 (núi), người Trung Hoa dùng hình dạng ba trái núi liên nhau. Chữ điền 田 giống như một thửa ruộng. Chữ nhật 日, nguyệt 月 dựa theo hình dạng mặt trời, mặt trăng.

- **Tượng thanh:** Chữ nữ 女 (đàn bà) và dùng âm thanh của chữ mã 馬 (ngựa) ghép thành chữ ma 媽 là mẹ, mẹ.

- **Hội ý:** Ghép các chữ tạo thành một chữ khác và mang ý nghĩa của những chữ được ghép. Ví dụ:

Thị 市 (chợ) ghép với chữ môn 門 (cửa) thành chữ náo 鬧 (ồn ào). Ý rằng nơi chỗ chợ búa thì ồn ào (*Thị tại môn tiền náo*).

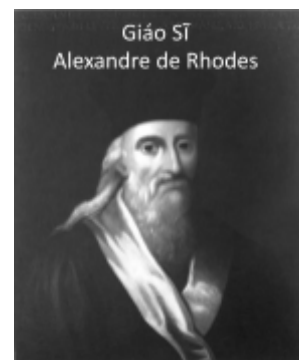
Nguyệt 月 (trăng) ghép chữ môn 門 (cửa) thành chữ nhàn 閒 (thảnh thơi, nhàn hạ). Nó mang ý nghĩa mảnh trăng treo nơi cửa tượng trưng sự nhàn hạ (*Nguyệt lai môn hạ nhàn*).

Minh 鳴 là tiếng chim kêu, ghép bằng hai chữ khẩu 口 (miệng) và điều 鳥 (chim). Minh 明 là sáng thì ghép bằng hai chữ nhật và nguyệt. Minh 冥 là tối thì có chữ mịch 冫 là cái nắp che đậy, nên tối tăm.

Ngôn từ càng ngày càng phong phú

Người Việt có tiếng nói riêng, nhưng qua hàng trăm năm chưa có chữ viết riêng. Dưới sự đô hộ của Trung Hoa, tổ tiên chúng ta dùng chữ Hán (Hán tự) để giao dịch việc triều chính. Trong dân gian rất ít người theo học chữ Hán, nên xem như đại đa số dân Việt ngày xưa không biết chữ. Vào khoảng thế kỷ thứ 10, tổ tiên ta bắt đầu phôi thai ra chữ Nôm, là cách viết tiếng Việt bằng các ký hiệu tương tự chữ Hán. Đến thời nhà Hồ và Tây Sơn, Vua Hồ Quý Ly và Vua Quang Trung khuyến khích dân chúng dùng chữ Nôm thay chữ Hán; bước đầu là áp dụng trong văn thư hành chánh. Từ đó, chữ Nôm thịnh hành rồi suy dần vào cuối thế kỷ 19 khi Pháp đặt ách đô hộ cùng sự phát triển của chữ Quốc Ngữ do một số Giáo Sĩ Tây Phương soạn ra.

Nhằm giúp cho việc giảng đạo được dễ dàng, Giáo Sĩ gốc Bồ Đào Nha là Francisco de Pina và vài vị khác đã nghiên cứu áp dụng mẫu tự Latin để viết tiếng Việt. Người có công lớn nhất là Giáo Sĩ người Pháp Alexandre de Rhodes vì ông đã bỏ nhiều công hoàn thiện và soạn ra cuốn tự vị và văn phạm đầu tiên của Việt Nam là cuốn *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* (Tự Điển Việt - Bồ - Latin) phát hành năm 1651 tại Roma. Giáo Sĩ Alexandre de Rhodes (1593 - 1660), được Hội Truyền Giáo Dòng Tên (The Society of Jesus) ở Roma cử đến Việt Nam năm 1624.



Năm 1869, nhà cầm quyền thuộc địa Pháp ra nghị định bắt buộc dùng chữ Quốc Ngữ thay hẳn chữ Hán trong công việc hành chánh; qua năm 1879, lại ra nghị định bắt buộc đưa chữ Quốc Ngữ vào ngành giáo dục. Thế là kết thúc số phận chữ Hán và Nôm một cách chính thức.

Khi du nhập văn hoá ngoại lai, cha ông chúng ta đã Việt hoá những từ ngữ các dân tộc khác trong quá trình giao tiếp mà trước hết, là đọc chữ của họ theo âm sắc Việt Nam. Hiện tượng này gọi là Việt hoá. Trong thời gian hàng ngàn năm bị đô hộ bởi Trung Hoa, người Việt thời đó chưa có nhiều từ ngữ, đã phải Việt hoá rất nhiều chữ Hán. Tức là đọc các chữ Hán theo âm Việt mà chúng ta gọi là chữ Hán Việt. Có thể nói chữ Hán Việt chiếm hết gần ba phần tư từ ngữ Việt của chúng ta dùng hiện nay. Việt Nam là quốc gia độc nhất và sớm nhất trong vùng Á Châu có chữ viết theo mẫu tự Latin mà chúng ta gọi là chữ Quốc Ngữ. Khi đường hàng hải phát triển, người từ các lục địa khác đến buôn bán, thăm viếng và đã đem vào nước ta những điều mới lạ, từ tư tưởng cho đến những phẩm vật mà cha ông ta chưa hề biết đến. Sự tiếp xúc với văn hoá Tây phương đã đem góp vào kho tàng Việt Ngữ nhiều chữ mới.

Ví dụ: chữ “bích kê” để thay chữ briquet của Pháp. Sau đó ở miền bắc để ra chữ cái bật lửa, miền trung thì gọi là cái máy lửa, miền nam thì dùng chữ hộp quẹt máy (dù chữ

hộp quẹt là nói về hộp diêm có động từ quẹt do động tác quẹt cây diêm vào bên hông cái hộp nhỏ để phát lửa). Chữ hộp quẹt thông dụng và được phân biệt bằng hộp quẹt cây, hộp quẹt ga, hộp quẹt máy.

Những chữ bơ, phô mai, xúc xích, ô tô, đường rầy, nhà ga, con tem, trái banh, là những chữ Tây đã Việt hoá từ chữ *beurre*, *fromage*, *saucisse*, *auto*, *rail*, *gare*, *timbre*, *balle*.

Chúng ta chấp nhận các từ ngữ Hán Việt vì chúng gọn gàng và dễ nghe hơn chữ đã dịch sang tiếng Việt thuần túy. Ví dụ: Quốc Trưởng (國長) là người đứng đầu một nước. Không thể có chữ Việt nào gọn hơn.

Nhất là trong lãnh vực chính trị, quân sự, kinh tế khó kiếm ra những chữ Việt thuần túy. Người ta nói hay viết “*ông Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng*,” thay vì nói/viết “*ông Cầm Đầu Bộ Giữ Gìn Đất Nước*.” Người ta nói/viết: *Quốc Vương và Hoàng Hậu* thay vì *Ông Vua Nước và Vợ Vua*.

Ai thay được những chữ Tổng Tư Lệnh, Tổng Tham Mưu Trưởng bằng chữ Việt thuần túy mà vừa ngắn vừa đủ ý, chúng tôi xin cúi đầu bái phục.

Nhưng cũng có rất nhiều từ ngữ Hán Việt có thể dùng từ ngữ Việt cũng gọn và rõ ràng. Ví dụ: phi cơ, tiềm thủy đình, toà Bạch Cung... Tại sao không dùng chữ Việt: máy bay, tàu ngầm, toà Nhà Trắng...? Chúng ta thường dị ứng với những chữ tàu sân bay, lính thủy đánh bộ, nhà trắng..., vì các chữ đó nghe lạ tai, nôm na, và nhất là do đối phương chúng ta sử dụng. Lấy trường hợp trong các quân binh chủng của quân đội, gần như hầu hết là chữ Hán Việt: Quân Cụ, Quân Nhu, Bộ Binh, Biệt Động Quân, Không Quân, Hải Quân, Địa Phương Quân... lại lọt vào chữ lính Nhảy Dù là chữ Việt thuần túy. Tại sao chấp nhận chữ lính Nhảy Dù, mà phản đối chữ Lính Thủy Đánh Bộ? Có phải đó là do tâm lý, thành kiến và thói quen không?

Người viết cũng thắc mắc, tại sao có thể dùng chữ Trưởng Ty, Trưởng Phòng, Trưởng Ban; mà không dùng chữ Trưởng Bộ, Trưởng Tiểu Đoàn... Chẳng qua là quen dùng thôi. Chẳng thấy có quy luật nào ràng buộc cả.

Ngôn từ mới do sự phát triển kinh tế, chính trị, khoa học kỹ thuật

Cũng thế, văn minh nhân loại tiến bộ, phát minh ra nhiều cái mới mà chúng ta chưa có một Viện Hàn Lâm Ngôn Ngữ hay ít nhất một tập thể ưu tú có kiến thức và thẩm quyền nào ngồi lại để dịch ra chữ Việt. Mà có dịch ra được thì cũng rắc rối lắm vì khó mà nói đủ ý nghĩa trong một vài từ ngữ. Hàn Lâm Viện của Pháp hàng trăm năm nay vẫn ngồi cãi nhau chí choé về chữ nghĩa đây.

Có những cách dịch mâu thuẫn nhau. Chiếc máy radio mà chúng ta nghe tin tức hàng ngày thì gọi là máy thu thanh. Trong khi cái ti vi để xem hình ảnh thì lại gọi là máy truyền hình mà không là máy thu hình. Vì chữ máy thu hình dùng cho cái camera!

Cái máy computer, ngày nay chúng ta chấp nhận chữ máy điện toán. Nhưng còn hardware, software, input, output, download, upload, save, scan, malware, spyware, keyword... Chúng tôi đã thấy vài nơi dùng chữ “từ khoá” để dịch chữ keyword. Chúng ta thấy khó nghe vì chưa quen tai mà thôi!

Vậy thì có hai giải pháp

(1) Việt hoá nó như chúng ta từng Việt hoá chữ cà phê, xúc xích, nhà ga...

(2) Đặt cho những chữ đó những chữ Việt tương đối đủ nghĩa và dùng riết thì sẽ quen thuộc. Dĩ nhiên ban đầu sẽ có nhiều chống đối. Nhưng quy luật ngôn ngữ là thế, chúng ta phải có sự cảm thông, độ lượng để chấp nhận thôi. Nên nhớ rằng ngày xưa tiếng/chữ Việt thuần túy cũng từng bị các nhà hủ Nho kết án “nôm na là cha mách què”. Sự chống đối của họ cũng kéo dài cả hàng trăm năm cho đến mãi khi gần hết triều Nguyễn với sự kết thúc các kỳ thi Hương, thi Hội.

Tại sao không dùng chữ của “Việt Cộng”? Không có chữ Việt Cộng mà chỉ có việc Việt Cộng và dân trong nước dùng sai. Chúng tôi đã có viết một bài khẳng định rằng tất cả từ ngữ Việt đang được sử dụng hiện nay ở quốc nội hay hải ngoại đều là ngôn từ chung của dân tộc Việt. Việt Cộng chẳng đẻ ra chữ nào mới. Vấn đề là họ thay đổi, gán ghép, hoán chuyển và dùng sai nên trở thành lỗi bịch, sai nghĩa. Ngoài ra còn nhiều từ ngữ rất chính xác mà chúng ta né tránh, dị ứng vì lý do chính trị, để cho họ độc quyền sử dụng. Ví dụ: các chữ **giải phóng** (liberation), đường **cao tốc** (high speed), **kỹ thuật số** (digital), **nhu liệu** (software).

Trong phần tiếp theo đây, chúng tôi dùng chữ nghiêng có gạch dưới cho những câu của Việt Cộng sử dụng (sai), và chữ nghiêng không gạch cho những câu mà chúng ta sử dụng (đúng). Chúng tôi chỉ nêu tượng trưng một số chữ.

Một vài thí dụ về những cách dùng nên tránh:

1.- Hiện nay bên Việt Nam, người ta thường bỏ bớt chữ trong một từ ngữ kép:

- **Căng:** Không nên nói “*Tình hình căng lắm.*” Nên nói “*tình hình căng thẳng lắm.*”
- **Quyết:** Không nên nói “*Cấp trên đã quyết.*” Nên nói “*cấp trên đã quyết định.*”
- **Quản:** Không nên nói “*Việc này để bên Bộ Nội vụ quản.*” Nên nói “*... để bộ Nội Vụ quản lý.*”
- **Bèo:** Không nên nói “*Món này bèo lắm.*” Nên nói “*Món này rẻ như bèo.*”

- **Điều** (điều động): Không nên nói “*Mỹ điều tàu ra Thái Bình Dương.*” Nên nói “*Mỹ điều động tàu ra Thái Bình Dương.*”
- **Bang**: Không nên nói “*Tôi cư ngụ ở bang Texas.*” Nên nói “*Tôi cư ngụ ở Tiểu Bang Texas.*”
- **Chất**: Không nên nói “*Ai cũng muốn sống chất.*” Nên nói “*Ai cũng muốn cuộc sống đầy đủ.*”
- **Đỉnh**: Không nên nói “*Cô ta hát đỉnh!*” Nên nói “*Cô ấy hát hay tuyệt!*”
- **Vắt**: Không nên nói “*Nó làm ăn vắt lắm.*” Nên nói “*Nó làm ăn vất vả lắm.*”
- **Chuẩn**: Không nên nói “*Làm thế là chuẩn.*” Nên nói “*Làm thế là đúng tiêu chuẩn.*”

2.- Nhiều chữ miền Bắc ít được dùng và chúng ta ít nghe, nên chúng ta dị ứng vì hiểu lầm là chữ có sau này:

- **Hoành Tráng** là tính từ dùng cho các đề nói về bất cứ cảnh quan có quy mô to lớn, rộng rãi; không ai nói buổi tiệc hoành tráng được. Tiếng Việt phong phú; có rất nhiều tính từ khác nhau để nói về từng trường hợp khác nhau: Lâu đài *nguy nga*, núi non *hùng vĩ*, cảnh diễm binh *hùng tráng*, căn phòng *tráng lệ*, công trình *quy mô*, khu vườn *mỹ lệ*, cảnh sắc *huy hoàng*, buổi tiệc *linh đình*...
- **Xiển Dương**: Lan truyền rộng ra (promote, propagate). Ví dụ: *Chúng ta cần xiển dương chính nghĩa quốc gia.*
- **Mẫn Cán**: Làm việc siêng năng, lanh lẹ. Ví dụ: *Ông B. là một công chức mẫn cán.*
- **Chỉnh Chu** (chỉnh tề và chu đáo). Ví dụ: “*Ông bà tiếp đãi chỉnh chu.*” Người miền Nam có lẽ ít nghe hai chữ này. Cũng có thể là “**Chín Chu**” theo nghĩa chữ “Chín” là đảng hoàng, kỹ lưỡng.
- **Lễ Tân** (Lễ: nghi lễ, phép tắc; Tân: khách). Nếu có đặt thành chữ mới, thì chỉ dùng trong trường hợp trang trọng như “*Ban Lễ Tân của bộ Nội Vụ...*” nhưng không thể “*cô lễ tân trong khách sạn,*” mà nên nói “*cô tiếp tân của khách sạn.*”
- **Tinh tươm**: thay cho chữ *tinh xảo, tươm tất*.
- **Quá độ**: Theo Việt Nam Tự Điển của ông Lê Ngọc Trụ (nhà sách Khai Trí, trang 1186) và Việt Hán Tự Điển của ông Huỳnh Minh Xuân (nhà xuất bản Đại Nam, trang 649), quá độ có nghĩa là qua khỏi thời gian cũ để chuyển sang thời gian mới (transition/transitional). Ngày trước, chúng tôi không nghe chữ này nên thường dị ứng khi nghe dùng trong câu “*Đây là thời kỳ quá độ đi lên Chủ nghĩa Xã hội.*”

Có những chữ ghép một cách không đúng:

- **Vụ việc**: Đã vụ thì không cần việc, và hai chữ này dùng trong trường hợp khác nhau: *Một vụ án, một việc làm tốt.* Vụ giết người khác nghĩa việc giết người.

- **Cặp đôi** (vừa cặp vừa đôi!): Không thể nói “*một cặp đôi nam nữ xứng hợp.*” Nên nói “*một đôi nam nữ xứng hợp.*”

Cặp và đôi là hai chữ riêng biệt để nói về số lượng. Tuy cùng có nghĩa là hai, nhưng cách dùng thì lại khác. Người ta dùng chữ “đôi” khi nói về hai người, hai vật mà có sự gắn bó, không thể tách rời ra. Đôi vợ chồng, đôi tình nhân, đôi bạn, đôi đũa, đôi giày... Những thứ này gắn bó, bổ túc cho nhau để trở thành một “mình với ta tuy hai mà một; ta với mình tuy một mà hai.” Đôi bạn, đôi vợ chồng mất đi một thì đời sẽ là vô nghĩa. Một chiếc đũa, một chiếc giày thì trở thành vô dụng. Hãy nhớ lại tựa đề cuốn tiểu thuyết *Đôi Bạn* của Nhất Linh và câu “Miếng trầu cau nên đôi vợ chồng, đôi vợ chồng nghèo...” trong bản nhạc “Tình Nghèo” của Phạm Duy. Dĩ nhiên cũng có các ngoại lệ. Ví dụ: người cụt một chân, cụt một tay, chột mắt, hay có tật chân cao chân thấp...

Chữ cặp dùng một cách chung cho những gì có hai cái mà không nhất thiết cần kết hợp. Ví dụ: cặp vịt, cặp bánh chưng... Ghép chung hai con vịt, hai cái bánh hay tách ra từng con vịt, một cái bánh cũng chỉ thay đổi số lượng mà không thay đổi tính cách. Vì thế, nên lựa chọn hoặc dùng chữ đôi, hoặc chữ cặp cho những điều mình muốn nói. Không thể tham lam dùng cả hai chữ “cặp đôi” vì như thế, nó có nghĩa là 4 thay vì muốn nói tới hai vật. Và nhất là nghe hai chữ “cặp đôi” nó kỳ quặc, chướng tai vô cùng.

Có khi họ ghép một chữ Hán vào với chữ Việt thuần túy tuy cả hai chữ cùng một nghĩa như bên cạnh, in ấn...

Những thí dụ về việc dùng sai:

1.- Danh từ dùng như động từ hay tính từ.

- **Chất lượng** (mức độ phẩm chất). Phải nói đủ “*Hàng này có phẩm chất cao*” thay vì nói trống không “*Hàng này chất lượng.*” Lượng nói về những gì có thể cân, đo, đong, đếm được.

- **Ấn tượng** là danh từ (impression). Người bên Việt Nam ngày nay dùng thay tính từ (impressive) khi nói “*Ca sĩ X ăn mặc ấn tượng*” mà lẽ ra “*Cách ăn mặc lố lằng của ca sĩ X gây ấn tượng xấu...*”). Hoặc như động từ (impress): “*Tôi ấn tượng điều anh nói.*” Nên nói “*Lời anh nói cho tôi một ấn tượng tốt.*” Trong Anh ngữ, có nhiều chữ cùng một gốc để dùng trong trường hợp khác nhau. Ví dụ: impression (danh từ), impress (động từ), impressive (tính từ).

- **Tâm tư** có nghĩa là sự suy nghĩ nặng về cảm tình. Một anh cao cấp Việt Cộng nói với nhân viên: “*Tôi tâm tư hoàn cảnh của anh.*” Lẽ ra phải nói: “*Tôi ưu tư về hoàn cảnh của anh.*”

- **Khả năng** là danh từ, không thể dùng như động từ. Khả năng là điều kiện nội tại, là năng lực để làm một việc gì. Tiếng Anh nó là chữ able/capable, ability/capacity. Trong khi *có thể* (chữ “can” trong Anh ngữ) là còn do điều kiện khách quan tác động từ bên ngoài. Ví dụ: “*Cô ấy có khả năng viết văn, nhưng cô không thể viết lúc này vì bận con nhỏ.*” Vì thế, không thể nói “*Trời khả năng mưa.*” Nên nói “*trời có thể mưa.*”

- **Trình độ** là danh từ. Không thể dùng như tính từ. Không nên nói “*Anh này trình độ nhỉ!*” Nên nói “*Anh này có trình độ nhỉ!*” Có lần, chúng tôi còn nghe câu kỳ lạ: “*Anh này trình thật!*”

2.- Dùng sai nghĩa:

- **Vô tư** (nghĩa đúng là không suy nghĩ). Không thể nói: “*Cứ ăn uống vô tư!*” Nên nói “*Cứ ăn uống thoải mái.*”

- **Chuyên trị** (nghĩa đúng là dùng để trị một bệnh gì). Không thể nói: “*Anh họa sĩ này chuyên trị tranh màu*” mà phải là “*Anh họa sĩ chuyên vẽ tranh màu.*”

- **Tiếp cận** là kề cạnh, sát bên, next to. Không thể dùng thay chữ đến gần (approach) hay tiếp xúc (contact). Không nên nói: “*Cô ta tiếp cận ông X.*” Nên nói “*Cô ta tiếp xúc ông X.*” Một thí dụ đúng về chữ tiếp cận: “*Nhà nàng tiếp cận nhà tôi.*”

- **Thể hiện** là biểu lộ (express). Không thể viết “*Cái bánh chưng không lộ do bà X thể hiện.*” Nên nói “*Cái bánh chưng không lộ do bà X làm/ thực hiện.*” Câu dùng chữ thể hiện đúng: “*Cách ăn nói của anh thể hiện tư cách đứng đắn.*”

- **Liệt sĩ** là người có khí tiết mạnh mẽ. Dùng chữ liệt sĩ để nói về những người chết trận (Nghĩa trang Liệt Sĩ) là sai. Phải dùng chữ *tử sĩ* để nói về người lính đã hy sinh.

- **Tài khoản** (chỉ dùng trong tài chánh). Không nên nói “*Tài khoản Facebook, tài khoản Yahoo.*” Chữ Account theo nghĩa này chưa thấy chữ Việt tương đương. Tại sao không Việt hoá nó?

- **Thông tin** (không thể dùng thay chữ tin tức). Thay vì nói “*Anh cho tôi thông tin về vụ này,*” nên nói “*Anh cho tôi tin tức về vụ này.*”

- **Tư liệu** (trong Hán tự có 28 chữ Tư, trong đó ghép với chữ Văn thành Tư Văn là văn thư qua lại của các quan). Không nên viết “*Tư liệu chiến tranh,*” nên viết “*Tài liệu chiến tranh.*”

- **Thống nhất** (hợp lại, unify). Không nên dùng chữ này theo nghĩa là đồng ý (agree). Thay vì viết “*Các bác sĩ thống nhất trong việc giải phẫu,*” nên sửa là “*Các bác sĩ đồng ý việc giải phẫu.*”

- **Thu hoạch** (thường dùng trong nông nghiệp là gặt, hái, lượm). Không nên nói “*Học sinh làm bài thu hoạch.*” Nên nói “*... bài thi tổng kết, cuối khoá.*”

▪ **Thiếu đói** (ý nói không có ăn). Nhưng nếu hiểu cho đúng, thiếu đói là không đói; tức là có ăn! Tại sao không chỉ nói họ bị *đói*, hay bị *thiếu ăn*?

▪ **Tình huống** (circumstance) tuy có vẻ gần gũi với chữ “tình hình” và tình thế” (situation), nhưng cách dùng khác nhau. Tình huống xảy ra là hậu quả của hành vi nào đó. Ví dụ: *Việc rút quân bất ngờ tại Afghanistan đã đưa đến một tình huống khó cứu vãn. Tình hình kinh tế có phần suy sút. Tình thế đã nghiêm trọng lắm rồi.*

▪ **Linh tinh**: Khi ở trong các trại tù cải tạo, công an quản lý rầy rà những người tù khi họ làm điều lộn xộn. Ví dụ: “*Các anh này nấu nướng linh tinh.*” Thật ra, linh tinh là các thứ vụn vặt (miscellaneous) không đủ số lượng để xếp vào một chủng loại nào. Ví dụ; Khi chúng ta xếp vào tủ các loại áo chemise, áo lạnh, quần ngắn, quần dài... ; Còn lại vớ, khăn tay, bao tay... chúng ta liệt vào các thứ “linh tinh.”

▪ **Quá trình**: Bên Việt Nam dùng chữ quá trình rất tùy tiện. Thật ra, nghĩa của nó là những điều, những diễn biến (process) **đã** xảy ra theo một trình tự. Ví dụ: “*Chúng ta đã làm xong một quá trình xây dựng phức tạp.*” Còn những gì chưa làm thì nên dùng chữ “tiến trình.” Ví dụ: “*Anh cho biết tiến trình thực hiện việc này ra sao.*” Cũng cần biết thêm chữ chu trình cũng là một tiến trình trọn vẹn để hoàn tất công việc.

Chúng ta nghe có những bài viết bên Việt Nam, và ngay ở hải ngoại, họ dùng những chữ một cách rất kỳ lạ.

▪ **Văn hóa**: Có khuynh hướng ghép chữ văn hóa bừa bãi. Họ viết trong bài báo về du lịch “*Tại Nhật không có văn hoá típ, văn hoá âm thực của người Phi.*” Nên viết đơn giản “*Nhật không có thói quen cho tiền tip,*” hay “*vấn đề ăn uống của người Phi.*”

▪ **Xử lý**: Bên Việt Nam, làm gì cũng gọi là xử lý (xử lý rau, xử lý thịt...)

Xử lý là việc xét xử, xét đoán dựa trên lý lẽ (luật lệ, nguyên tắc...). Ví dụ: *Vụ án giết người sẽ được đưa ra toà để xử lý.* Nhẹ hơn thì gọi là xử trí, tức là giải quyết, phán xử dựa trên trí phán đoán. Ví dụ: *Việc con trai anh làm con gái tôi mang bầu, tôi sẽ có cách xử trí.*

Không nên nói “*Rau được xử lý xong cho vào chảo luộc,*” “*Cầu thủ xử lý đường bóng.*” Nên nói “*Rau được nhặt rửa xong cho vào chảo luộc*” và “*Cầu thủ chuyển một đường banh.*”

▪ **Ừn tắc** (tắc nghẽn). Không nên nói “*Cuối ngày Chủ nhật, lưu thông ùn tắc.*” Nên nói “*Cuối ngày Chủ nhật, việc lưu thông bị tắc nghẽn.*”

▪ **Trần và Sàn** (Ceiling hay Maximum, Threshold hay Minimum). Không nên nói “*Giá trần của căn nhà.*” Nên nói “*Giá cao nhất của căn nhà.*”

▪ **Chùm**: Không nên nói *Chùm ảnh, Chùm thơ.* Sao không nói dễ nghe “*tập ảnh, loạt thơ.*”

▪ **Tốp ca**: Không nên nói “*Ban tốp ca nữ.*” Nên nói “*Ban hợp ca nữ.*”

▪ **Cá thể** (muốn nói một đơn vị): Báo chí bên Việt Nam viết “*Cảnh sát bắt được hai cá thể vi phạm,*” nên viết “*Cảnh sát bắt được hai người vi phạm.*”

- **Tác nghiệp** (ý muốn nói làm việc chuyên môn): Không nên nói “*Các phóng viên đến tác nghiệp.*” “*Cảnh sát đến nơi tác nghiệp.*” Nên dùng chữ “*lấy tin*” hay “*làm việc/điều tra.*”
- **Giao lưu:** Không nên nói “*Hai chị em giao lưu suốt buổi tối.*” Nên nói “*Hai chị em trò chuyện suốt buổi tối.*”
- **Phản hồi:** Việt Cộng viết trong bài báo “*Không thấy phía Mỹ phản hồi.*” Nên nói “*Không thấy phía Mỹ phản ứng / trả lời.*”
- **Khủng** (ý nói khổng lồ): Không nên nói “*Cái xe khủng này, giá khủng.*” Nên nói “*cái xe lớn, giá cao.*”
- **Diễn hành, diễn binh:** Không nên nói “*Đi diễn hành ngày Quốc Khánh.*” Lẽ ra phải là “*diễn hành, diễn binh,*” vì diễn hành có nghĩa là đi vòng vòng có tính cách vui chơi, không trang trọng.

Những chữ không thấy trong các từ điển Việt Nam lẫn Hán Việt

Động thái (ý muốn nói đến động tác, hành động), **giao lưu** (ý muốn nói đến trao đổi), **hồ hởi, hiệp đồng** (từ điển có chữ hợp đồng có nghĩa giao kèo), **lễ tân** (ý muốn nói tiếp khách) ... Còn nhiều lắm!

Khuynh hướng ưa đảo thứ tự các chữ kép, nghe chướng tai vô cùng: bảo đảm, đơn giản, họ đảo thành **đảm bảo, giản đơn**... Rồi lại có tình trạng đổi chữ “i” thành chữ “y” như bác sĩ, nghệ sĩ, liệt sĩ thành **bác sỹ, nghệ sỹ, liệt sỹ**; hay ngược lại, như vô lý thành **vô lí**, chia ly thành **chia li**. Nhiều người có khuynh hướng cải cách chữ “i” và “y” cho đơn giản nhưng chưa được hưởng ứng rộng rãi vì có nhiều trường hợp không thể thay chữ y thành i được. Ví dụ: Thúy và thúì, may và mai.

Nói qua về cách dùng trạng từ

Cách dùng trạng từ. Trong khi tĩnh từ bỏ nghĩa cho danh từ, thì trạng từ bỏ nghĩa cho động từ, hay đôi khi cho tĩnh từ.

Ví dụ. *Anh ta nói tiếng Anh một cách thành thục. Chị ta cư xử khôn khéo.*

Như thế, vị trí của trạng từ là theo sát động từ, trước hay theo sau.

Ví dụ: *Cô Ba nhanh nhẩu trả lời. Cô Ba trả lời một cách nhanh nhẩu.*

Chỉ có khi cần nhấn mạnh, người ta mới đặt trạng từ ra trước, nhưng phải cách mệnh đề bằng một dấu phẩy.

Ví dụ: *Đột nhiên, anh ta ngã xuống.*

Chúng ta thấy bây giờ người bên Việt Nam viết báo, hầu hết cho trạng từ ra đầu câu.

Ví dụ: **Choáng** công thức pha chế sữa đậu nành “bản” của Việt nam. **Kinh hoàng** đưa cháu chém bà ngoại vì không xin được tiền.

Câu trước chữ choáng viết ngắn của choáng vằng, nghe đã chướng tai, rồi lại đặt nó ở đầu câu, nghe càng khó chịu.

Những cách dùng nên tránh

Có nhiều tên người, tên các quốc gia; nên giữ nguyên chữ của nước họ, hay đọc theo âm Việt Nam, hay dịch sang tiếng Việt?

Tên người, tên quốc gia là các danh từ riêng. Chắc chắn không ai dịch danh từ riêng ra tiếng nước mình mà có thể đọc theo âm sắc nước mình, nhất là giới bình dân. Nhưng khi đọc như thế, nghe vừa kỳ cục vừa bất lợi khi một người ta cần tra cứu và tìm hiểu thêm, sẽ không làm được vì không biết nguyên từ của các chữ đó để tìm trong từ điển hay trên Google. Vì thế, theo ý tôi, tên các quốc gia, tên người (nói chung là danh từ riêng) nên để nguyên văn.

Tên các quốc gia, người Việt đọc theo chữ Hán. Người Trung Hoa họ đọc nguyên từ theo phát âm Trung Hoa, rồi viết ra theo chữ Hán. Người Việt lần nữa đọc chữ Hán đó theo âm Việt.

Vì thế, nhiều danh từ khi đọc tiếng Việt càng xa với nguyên từ.

Vài thí dụ:

- Roma: Người Trung Hoa không phát âm được chữ ‘R’. Họ đọc thành ‘L’. Roma thành Lỗ Ma. Việt đọc thành **La Mã**.
- France: Trung Hoa đọc là Phơ Lang Sa. Việt đọc theo chữ Hán thành Pháp Lang Sa, gọi tắt là **Pháp**.
- Espagne: Trung Hoa đọc là Sị Pa Nhơ, Việt thành **Tây Ban Nha**.
- America: Trung Hoa đọc là A Mei Li Ca, Việt đọc thành Á Mỹ Lợi Á, gọi tắt là **Mỹ**.
- Washington: Trung Hoa đọc Hwa-Shing-Ton, Việt đọc lại thành **Hoa Thịnh Đôn**.

Quý vị thấy, về mặt này, người Trung Hoa họ Hán Hoá các danh từ riêng của Tây Phương. Đó là chuyện của họ, coi như tạm ổn vì họ phát âm không khác mấy nguyên từ. Nhưng khi cha ông chúng ta lại phiên âm thêm lần nữa (Việt hoá các chữ Hán) thì càng xa lạ với nguyên từ. Vì thế, tôi thích để nguyên từ của Tây Phương. Có vị hỏi đọc thế nào tên người, tên các nước không dùng mẫu tự Latin như Ả Rập, Trung Hoa, Cambodia, Laos... Xin thưa, hãy dùng tên bằng Anh Ngữ vì đó là ngôn ngữ nhiều người biết.

Nhưng đó là ý kiến của riêng tôi. Còn vị nào muốn giữ các chữ Việt thì tùy họ.

Việc Việt hoá những danh từ riêng Tây Phương cũng không nên. Vì khi đọc nghe chướng tai lẩm. Người ta từng chế nhạo việc phiên âm các tên Nga như Móc Cu Ra Bóp, Lút Mi La; hay tên Lào như Cay Xỏn, Chủ Tịch Quốc Hội Thái Lan là Sỗm-sắc Kiệt-sụ-ra-nôn... Và nếu một người cần tra cứu thêm, thì phải dùng nguyên từ, chứ dùng danh từ đã Việt Hoá sẽ không tìm thấy trong sách vở ngoại quốc hay trên internet.

Ví dụ, khi cần nói với người Mỹ, nếu chúng ta đọc Ý Đại Lợi, Hoa Thịnh Đốn, Đặng Tiểu Bình, Lý Bằng... không ai biết cả. Nhưng nếu đọc Yi Ta Li, Hwa-Shing-Ton, Teng Xiǎo Ping, Li Ping thì chắc có người biết ngay.

Một điểm đáng nói, là tiếng Việt đọc theo đơn âm, tiếng các nước Tây phương theo đa âm. Hai cách phát âm cũng khác xa. Vì thế, với các danh từ riêng, thay vì đọc rời từng âm một (ví dụ: Ca-Li-For-Nia), nên tập đọc nhanh thành một chuỗi âm (California).

Vài thí dụ nhà cầm quyền và báo chí Việt Nam Cộng Sản đã Việt hoá các danh từ riêng và viết rời thành từng chữ đơn âm:

- Christina: **Khơ Ri Chi Na**
- Gorbachev: **Go Rơ Ba Chốp**
- Tchenenko: **Tờ-Réc-Nen-Cô**, có khi là **Chéc Nen Cô**
- Johnson: **Giôn Xon**
- **Iran, Iraq**: Có thời họ đọc là “Một Răng,” “Một Rắc.”

Chúng tôi đã nhiều lần lên tiếng về tình trạng thoái hoá của tiếng Việt trong nước, và nhắc nhở những người quốc gia tại hải ngoại, nhất là các nhà văn, nhà báo phải cẩn thận khi chuyển tin, sao chép tin từ trong nước, hay là khi viết bài vở, phải dò kỹ, thật kỹ để không lọt những từ ngữ kỳ quái này vào. Hiện nay, các đài truyền hình, truyền thanh lớn như BBC, VOA, cả RFA cũng tuyển dụng những nhân viên sanh đẻ, lớn lên, hấp thụ văn hoá Việt Nam Cộng Sản, nên trong các bài viết của họ, nhan nhản những chữ sai. Vì đa số báo chí hải ngoại ít nhân viên, không nhiều thì giờ để chăm sóc, nên hiện tượng này cứ tiếp diễn dài dài. Nó vô tình đầu độc chúng ta, làm cho người đọc quen dần và không cảm thấy khó chịu. Chúng tôi biết có nhiều nhà văn, nhà bình luận, thậm chí nhiều nhà hoạt động cộng đồng, đoàn thể, thỉnh thoảng vẫn dùng những chữ sai như nói ở trên.



Ở trong nước thì chúng tôi khó trách. Vì gần hết dân số 90 triệu họ nghe, đọc và nói quen rồi. Lâu dần, nó trở thành tiêu chuẩn mà chúng ta đành bắt lặc. Vấn đề đúng sai, hay dở thật ra chỉ là tương đối. Cái đúng, cái hay của người này có thể là cái sai, cái dở của người kia! Khi đa số mọi người chấp nhận điều mà quá khứ coi là sai, thì trong hiện tại hay tương lai nó sẽ là điều đúng. Chuyện của dân trong nước, mình đành chịu thua!

Nhưng khi còn gần ba triệu người ở hải ngoại mà đại đa số hấp thụ văn hoá Việt Nam chính thống, chúng ta phải kiên quyết bảo lưu văn hoá của chúng ta. Chúng ta phải hết lòng, không buông tay bỏ cuộc.

Đỗ Văn Phúc

Cẩn thận, tránh dùng chữ bừa bãi lơ lửng

Trong sinh ngữ, luôn có sự thay đổi thêm bớt cho phù hợp sự phát triển và hoàn cảnh xã hội. Vì thế, không nên câu nệ quá mức là chữ của Việt Cộng hay chữ chúng ta quen thuộc ở miền Nam. Miễn sao các từ ngữ được dùng đúng nghĩa, hợp lý. Ngôn ngữ là của chung, xin không để cho ai độc quyền những chữ mà chúng ta có thể dùng được. Chúng ta có thói quen Việt hoá những chữ ngoại quốc mà không thể dịch sang Việt ngữ chính xác: cái bích kê, bơ, phô mai, mô tô, vi la, tú buýp phê, xe buýt... Vì thế, cũng có thể tạm dùng: Marketing, Share... trong khi chờ cách nào dịch nghe êm tai.

Chữ dùng sai	Nghĩa theo Từ điển VN	Cách dùng sai của người Việt hiện nay	Nên viết
Ấn tượng	Danh từ, không thể dùng như động từ hay tính từ	Cô Lan mặc áo ấn tượng. Tôi ấn tượng ca sĩ X	Cách ăn mặc của cô tạo một ấn tượng tốt trong tôi.
Bảo quản		Chiếc xe được bảo quản	Chiếc xe được bảo trì/gìn giữ
Bèo		Thứ này bèo lắm	Thứ này rẻ/xoàng lắm
Biểu đạt			Diễn đạt
Bồi dưỡng		Bồi dưỡng kiến thức	Trau dồi kiến thức
Ca từ			Lời ca
Cá thể		Làm chết hai cá thể bò	Làm chết hai con bò
Cách ly	Tách riêng ra một nơi vì bệnh hay vì sự nguy hiểm	Bên VN không phân biệt cách ly và cô lập.	Anh ấy bị cách ly vì mắc bệnh Covid-19. Cậu ấy bị bạn bè cô lập vì tính nết xấu.

Cải tạo		Cải tạo bãi đá ngầm	Biến đổi bãi đá ngầm
Cần vụ		Người cần vụ	Người phụ việc
Căng		Tình huống căng lắm	Tình hình căng thẳng
Cặp đôi	Cặp và đôi là hai chữ cùng nghĩa, nhưng cách dùng khác nhau.	Một cặp đôi xứng đáng	Một cặp vịt béo. Một đôi vợ chồng hạnh phúc. Một đôi giày mới.
Chất lượng	Mức độ phẩm chất	Chiếc xe có chất lượng.	Chiếc xe phẩm chất tốt
Chất giọng		Ca sĩ X có chất giọng cao	Ca sĩ X có giọng hát cao
Chế độ		Xe ô tô dùng chế độ sang số tay	Xe hơi có số tay (sang số bằng tay)
Chỉnh chu		Anh đón tiếp chỉnh chu quá	Anh đón tiếp chu đáo quá
Choáng		Choáng công thức pha chế sữa đậu nành "bản" của Việt nam	Cách pha chế sữa đậu nành "bản" của Việt Nam làm chúng ta choáng váng
Chọc khe		Vận động viên X vừa thực hiện một cú chọc khe tuyệt đẹp	Cầu thủ X đá cú banh lòn qua đối thủ
Chồng lẩn			Chồng chéo
Chuẩn		Đào tạo theo chuẩn Hoa Kỳ	Đào tạo theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ
Chức năng	Vai trò, sự phân công	Báo cáo lên cơ quan chức năng	Báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền
Chùm thơ/ảnh		Chùm thơ của thi sĩ Mộng Vàng	Những bài thơ của thi sĩ Mộng Vàng. Tập ảnh thắng cảnh Âu Châu.
Chuyển ngữ		Chuyển ngữ bài thơ	Dịch bài thơ
Chuyên trị	Dùng trong y khoa	Anh ta chuyên trị về "truyền hình"	Anh ta sở trường về vẽ truyền thần

Cơ bắp		Khoe cơ bắp	Khoe bắp thịt
Con chữ		Nhà văn bắt đầu từ những con chữ	Nhà văn bắt đầu từ những chữ
Cơ hội	Cơ may có tính chất tích cực	Không chích ngừa, có cơ hội đi bệnh viện	Cô X có giọng hay, có cơ hội đoạt giải thi tuyển lựa ca sĩ.
Cự li	Khoảng cách	Hai người giữ cự li	Hai người giữ khoảng cách
Cực kỳ		Hát hay cực kỳ	Hát hay tuyệt
Đại gia	Nhà có danh tiếng, Việt Cộng dùng để nói người giàu có	Đại gia chi tiền khủng	Nhà giàu xài tiền quá mức
Đăng ký	Biên chép vào	Đăng ký kỳ thi Trung học	Ghi danh kỳ thi Trung học
Đáp án		Tìm đáp án cho bài toán/vấn đề	Tìm đáp số, giải pháp
Đề xuất		Chúng tôi đề xuất phương án	Chúng tôi đề nghị kế hoạch/dự án
Điểm nhấn		Chiếc cà vạt là điểm nhấn trên người anh ta	Chiếc cà vạt là thứ nổi bật trên người anh ta
Điểm sàn		Điểm sàn để được thu dụng	Điểm tối thiểu để được tuyển dụng
Điều binh		Điều binh ngày lễ lớn	Đi xem quân đội diễn hành Bọn trẻ điều hành trong sân.
Đâm xe			Tông xe
Đề xuất			Đề nghị
Điều	Nói tắt chữ điều động	Mỹ thách thức lại bằng cách điều tàu	Mỹ thách thức lại bằng cách điều động tàu
Động não		Phải động não ra mà hiểu	Phải vắt óc ra mà hiểu (hay nặn óc)
Động thái		Chưa thấy động thái của họ	Chưa thấy hoạt động/động tĩnh gì.
Đột biến		Giá vàng tăng đột biến	Giá vàng tăng đột ngột/bất ngờ
Đột xuất		Anh ta đột xuất bước tới	Anh ta bất ngờ bước tới

Đứng lớp		Thầy A đứng lớp 5	Thầy A dạy lớp 6
Giải phóng	Đem lại tự do	Giải phóng mặt bằng	Giải toà, dọn dẹp diện tích hay cái gì đó...
Giáo án		Cô giáo soạn giáo án	Cô giáo soạn bài giảng
Giao lưu	Không có trong tự điển VN	Chúng tôi giao lưu suốt đêm	Chúng tôi trò chuyện suốt đêm
Giật tít		Báo giật tít về Biển Đông	Báo loan tin về Biển Đông
Hậu cần		Phòng hậu cần	Phòng tiếp liệu
Hiện thị		Hiện thị trên màn hình	Hiện ra trên màn hình
Hiệp đồng	Tự điển có chữ Hợp Đồng là giao kèo	Các binh đoàn chiến đấu hiệp đồng	Các binh đoàn phối hợp chiến đấu
Hồ hởi	Không có trong tự điển VN	Tôi rất hồ hởi	Tôi rất vui mừng
Hộ khẩu	Chữ này có trong tự điển, nghĩa là sổ nhà, sổ người	Sổ hộ khẩu (không sai, nhưng do Việt Cộng dùng)	Sổ gia đình (VNCH dùng)
Hoành tráng	To lớn rộng rãi	Buổi lễ hoành tráng	Buổi lễ thì phải nói long trọng. Hoành tráng dùng cho những thứ cụ thể như công trình, kiến trúc...
Hồi đáp			Phúc đáp, phản ứng (tùy trường hợp)
Hội ý	Bàn bạc	Các bác sĩ hội ý...	Các bác sĩ bàn bạc, thảo luận
Kênh		Kênh truyền hình CNN	Đài truyền hình CNN
Kênh ngoại giao	Dịch từ chữ Diplomatic Channel		Theo hệ thống ngoại giao
Khả năng	Dùng như động từ!	Trời khả năng mưa	Trời có thể mưa
Khẩn trương		Làm khẩn trương lên	Làm nhanh lên
Khổng chế số liệu		cô nhớ khổng chế số liệu chi trả	cô nhớ hạn chế việc chi tiêu

Khủng	To lớn	Giá khủng, xe khủng	Giá đắt khủng khiếp, xe lớn khủng khiếp
Kịch tính	Có tính chất trình diễn	Buổi nói chuyện đầy kịch tính	Buổi nói chuyện đầy sôi nổi
Lễ tân		Các cô trong ban lễ tân	Các cô trong ban tiếp tân
Lên lớp		Cô giáo soạn giáo án trước khi lên lớp	Cô giáo soạn bài giảng trước khi vào lớp (dạy),
Lên phương án		Họ lên phương án	Họ lập kế hoạch
Liệt sĩ	Người có khí tiết mạnh mẽ (không phải người chết) trận)	Liệt sĩ trong chiến tranh chống Pháp	Tử sĩ trong chiến tranh chống Pháp
Lô Gích			Hợp lý
Nghệ danh		Cô Lê thị A có nghệ danh Mi Mi	Cô Lê thị A tức ca sĩ Mi Mi
Nghiêm túc		Trả lời nghiêm túc	Trả lời một cách đứng đắn (nghiêm trang, nghiêm chỉnh)
Ngưỡng	Mức tối thiểu	Ở ngưỡng	Ở mức tối thiểu, thấp nhất
Nhất trí		Tôi xin nhất trí	Tôi xin đồng ý
Nội hàm			Bao hàm, hàm chứa
Nội y		Cô tài tử Anna dùng nội y hàng hiệu	Cô tài tử Anna dùng đồ lót nhãn hiệu nổi tiếng
Ô tô con		Xe container chở hai ô tô con	Xe container chở hai xe du lịch.
Phản cảm		Cô gái ăn mặc phản cảm	Cô gái ăn mặc chướng mắt/khó coi
Phản hồi	Trở lại, trở về	Repsol đã không phản hồi câu hỏi của BBC	Repsol đã không trả lời câu hỏi của BBC
Phục vụ		Khách được phục vụ trà bánh	Khách được mời trà bánh
Phượt thủ			Khách du lịch

Quản	Rút ngắn chữ quản lý, quản trị	Việc này tôi sẽ quản	Việc này tôi sẽ lo
Quan hệ	Có dính dáng, mắc mứu với nhau	Tôi sẽ quan hệ với cơ quan X.	Anh A và chị B có mối quan hệ gia đình. Tôi sẽ liên lạc với cơ quan X.
Quan chức	Xưa có chữ Quan Viên là người làm việc quan	Có mặt đầy đủ các quan chức Bộ Ngoại Giao	Có mặt đầy đủ các viên chức Bộ Ngoại Giao
Quy trình phê duyệt			Việc duyệt xét, phê chuẩn
Quyết	Rút ngắn chữ quyết định	Trên đã quyết	Cấp trên đã quyết định
Sát thủ		Bắt được tên sát thủ	Bắt được tên sát nhân (giết người)
Sở hữu	Cái thuộc về mình (danh từ)	Tài tử Mi Mi sở hữu đôi mắt đẹp	Tài tử Mi Mi có đôi mắt đẹp. Căn nhà này thuộc quyền sở hữu của tôi.
Sốc		Câu nói gây sốc	Câu nói gây bàng hoàng
Sự cố	Hai chữ đều có chung nghĩa là một việc.	Sự cố kỹ thuật	Trở ngại/trục trặc kỹ thuật
Tác nghiệp	Không có trong tự điển VN	Các ký giả đến tác nghiệp	Các ký giả đến săn tin. Ông Nam hành nghề ở Sài Gòn.
Tác động vật lý	Dịch sai chữ Physical trong Anh ngữ	Anh A tác động vật lý cô B	Hành hung, xúc phạm thân thể
Tài khoản	Trương mục ngân hàng. Chữ tài có nghĩa về tiền bạc.	Mở tài khoản Yahoo	Chữ tài khoản chỉ dùng trong việc dính líu đến tiền bạc. Chưa có chữ Việt nào dịch chữ account trong tin học cho chính xác.
Tâm đắc	Danh từ: có nghĩa là điều hiểu được ở trong tim	Tôi tâm đắc điều này	Tôi thích thú về điều này
Tâm tư	Danh từ, có nghĩa là điều cảm nhận ở trong tim	Tôi rất tâm tư về anh	Tôi rất lưu tâm về anh. Tâm tư của tôi hướng về cô!

Tập huấn	Không có trong tự điển VN	Cán bộ đi tập huấn	Cán bộ đi thực tập
Tham quan		Đi tham quan thành phố	Đi thăm thành phố
Thể hiện	Biểu lộ	Chiếc bánh chưng do bà Mai thể hiện	Chiếc bánh chưng do bà Mai làm (thực hiện)
Thị phần		Dịch chữ Market Share	Khó nghe qua! Nên tạm Việt hoá chữ Share
Thoáng	Viết tắt chữ thông thoáng	Vụ này thoáng hơn vụ kia	Vụ này dễ/rõ... hơn vụ kia
Thống nhất	Hợp lại	Hai người thống nhất trong việc này	Hai người đồng ý trong việc này
Thông tin	Đúng ra là Thông Tin	Theo thông tin của báo Thanh Niên	Theo tin tức của báo Thanh Niên
Thư giãn	Thư là thành thơi	Ngồi thư giãn một chút	Ngồi thoải mái một chút
Thu hoạch	Gặt, hái, lượm	Bài thu hoạch cuối năm	Bài (thi) tổng kết cuối năm
Tiếp cận	Sát bên	Chúng tôi tiếp cận ông Đại sứ	Chúng tôi tiếp xúc với ông Đại sứ
Tinh tươm	Tinh xảo, tươm tất	Căn phòng tinh tươm	Căn phòng tươm tất, ngăn nắp
Tình huống	Tùy trường hợp mà dùng	Tình huống căng thẳng	Tình hình đã yên. Tình huống phức tạp.
Tổ chất		Đứa bé đó có tổ chất thông minh	Đứa bé đó thông minh
Tờ rơi			Truyền đơn
Tốp ca		Do ban tốp ca Ba con Vịt đệt thể hiện	Do ban hợp ca Ba Trái Táo trình bày
Trần		Giá trần	Giá cao nhất
Tranh thủ	Giành cho được	Tranh thủ thời gian để làm...	Tận dụng thời gian để làm...
Trình độ		Anh A hát trình độ nhi	Anh A hát hay nhi
Trọng thị		Tiếp đón trọng thị	Tiếp đón long trọng

Tư duy	Chỉ dùng trong triết học	Mình phải tư duy điều này	Mình phải suy nghĩ về điều này
Tư liệu		Dùng tư liệu của bộ Giáo Dục	Dùng tài liệu của bộ Giáo Dục
Từ khóa		Ý muốn dịch chữ Key Word	Tạm chấp nhận chữ Key Word
Tương tác			Ảnh hưởng qua lại
Tuyển		Tuyển Ba Tây	Đội tuyển Ba Tây
Tuyến đường		Tuyến đường sắt	Đường xe lửa
Ùn tắc		Giao thông ùn tắc	Lưu thông bị tắc nghẽn
Văn hoá "tip"		Nhật không có văn hoá tip	Ở Nhật không có thói quen cho tip
Văn hoá ẩm thực		Văn hoá ẩm thực của người Tàu	Vấn đề ăn uống của người Tàu
Vật tư		Phòng vật tư	Phòng vật liệu
Vô tư	Không lo nghĩ	Cứ ăn uống vô tư nhé!	Cứ ăn uống tự nhiên/tha hồ nhé!
Vụ việc	Vụ và việc là hai chữ có nghĩa khác nhau	Vụ việc này căng lắm.	Vụ sát nhân này căng thẳng lắm. Việc giết người là một trọng tội.
Xử lý	Dùng lý lẽ, phán đoán mà giải quyết.	Cầu thủ A xử lý đường bóng rất tốt	Cầu thủ A dẫn/chuyển/đưa banh rất hay
		Rau được xử lý...	Rau được rửa/soạn sẵn...